

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **163/2024/DS-ST**;
Ngày: 20 - 8 - 2024.

Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Quân;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Dương;
- Ông Thạch Tân Dân;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 115/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: 1. Ông **Trịnh Văn H** – sinh năm 1968;

Địa chỉ: số B, đường V, khu phố D, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bà **Võ Thị Hồng H1** – sinh năm 1968;

Địa chỉ: số E, đường Đ, khu phố F, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang;

* Bị đơn: 1. Anh **Trần Thanh N** – sinh năm 1983;

2. Chị **Võ Thị Hồng Y** – sinh năm 1992; Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang;

(Ông H, anh N có mặt, bà H1 có đơn xin vắng mặt, chị Y vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trịnh Văn H, bà Võ Thị Hồng H1 trình bày:*

Đại lý thức ăn thủy sản Hương Sang là của vợ chồng ông và bà Võ Thị Hồng H1, do vợ ông làm chủ. Vào năm 2010, đại lý có bán thức ăn và thuốc nuôi tôm cho anh Trần Thanh N và chị Võ Thị Hồng Y, khi mua bán có thỏa thuận lấy hàng trước đến cuối vụ tôm sẽ trả tiền sau. Ngày 13/4/2022, hai bên đối chiếu nợ với nhau, thì anh N, chị Y còn thiếu đại lý số tiền 376.847.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến ngày 30/4/2022 anh N, chị Y phải trả hết số tiền trên, nếu không trả phải chịu lãi 1,5%/tháng, nhưng đến hạn anh N, chị Y không thực hiện được, nên vợ chồng ông bà khởi kiện cả anh N và chị Y. Tuy nhiên, do giấy xác nhận nợ ngày 13/4/2022 chỉ có một mình anh N ký tên, nên ông bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện chị Y, chỉ yêu cầu một mình anh N trả số tiền nợ gốc là 376.847.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận 1,5%/tháng từ ngày chót nợ 13/4/2022 đến ngày 01/5/2024 là 759 ngày với số tiền lãi là 141.054.348 đồng. Tổng số tiền vốn và lãi là 517.901.348 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng, bị đơn anh Trần Thanh N trình bày:*

Từ năm 2010 đến năm 2022, anh có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm tại đại lý H2 của vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1. Quá trình nuôi tôm thua lỗ, nên anh có nợ lại đại lý số tiền 376.847.000 đồng, đây là số nợ của cá nhân anh, nên anh có ký xác nhận nợ vào giấy biên bản xác nhận công nợ ngày 13/4/2022. Nay vợ chồng ông H, bà H1 khởi kiện, anh đồng ý một mình trả số nợ này cho ông H, bà H1, số nợ này không liên quan gì đến vợ anh là chị Võ Thị Hồng Y. Đối với số nợ trên anh xin trả đến ngày 25/11/2025 là hoàn tất. Về tiền lãi anh không đồng ý trả, vì khi mua bán không có thỏa thuận lãi và khi chót nợ cũng không có thỏa thuận lãi suất.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn ông Trịnh Văn H xin rút lại yêu cầu khởi kiện chị Y, chỉ yêu cầu một mình anh N trả số tiền nợ gốc là 376.847.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện về điều chỉnh tiền lãi, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày chót nợ 30/4/2022 đến ngày xét xử 20/8/2024 tính tròn là 27 tháng với số tiền lãi là 84.451.412 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Trần Thanh N đồng ý trả số tiền nợ 376.847.000 đồng, nhưng anh xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất, anh không đồng ý trả lãi.

- Bị đơn chị Võ Thị Hồng Y vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 khởi kiện yêu cầu anh Trần Thanh N và chị Võ Thị Hồng Y trả lại số tiền nợ mua bán thức ăn, thuốc nuôi tôm, nên xác định đây là tranh chấp về “hợp đồng mua bán tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi thường trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Võ Thị Hồng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Võ Thị Hồng Y vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà H1, chị Y.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về bị đơn của vụ kiện: Tại đơn khởi kiện ông H, bà H1 kiện anh Trần Thanh N và chị Võ Thị Hồng Y, nên Tòa án xác định anh N và chị Y là bị đơn của vụ kiện. Ngày 25/6/2024, cũng như tại phiên tòa ông H, bà H1 rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Y, chỉ yêu cầu anh N trả số nợ trên. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời xác định bị đơn trong vụ kiện chỉ có anh Trần Thanh N.

[3.2] Về số nợ gốc: Để chứng minh cho việc kiện của mình, ông H, bà H1 đã cung cấp giấy biên bản xác nhận công nợ ngày 13/4/2022 có chữ ký xác nhận của anh N, và anh N cũng thừa nhận còn nợ ông H, bà H1 376.847.000 đồng tiền mua thức ăn, thuốc nuôi tôm, anh N cũng đồng ý trả số tiền này. Đây là sự việc bị đơn đã thừa nhận nợ theo lời trình bày của nguyên đơn, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, sự việc này không cần phải chứng minh thêm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh N có mua thức ăn và thuốc nuôi tôm còn nợ vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 376.847.000 đồng đến nay chưa trả; và việc ông H, bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N trả số tiền 376.847.000 đồng là phù hợp với Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận.

[3.2] Về mức lãi suất và thời gian tính lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền nợ còn lại 376.847.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày 30/4/2022 đến ngày xét xử 20/8/2024 tính tròn là 27 tháng là 84.451.412 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở, bởi lẽ Giấy biên bản xác nhận công nợ ngày 13/4/2022 không có ghi mức lãi suất là bao nhiêu, bị đơn cũng không thừa nhận có thỏa thuận tiền lãi, cho nên nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 440, Điều 357 và

khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi như sau: $(376.847.000đ \times 0,83\% \times 27 \text{ tháng}) = 84.451.412 \text{ đồng}$.

[3.3] Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi anh N phải trả cho vợ chồng ông H, bà H1 là $(376.847.000đ + 84.451.412) = 461.298.412 \text{ đồng}$.

[3.4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Xét do hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời gian trả tiền được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 461.298.412 đồng theo quy định. Ngày 19/8/2024 anh Trần Thanh N có đơn xin miễn giảm tiền án phí, nhưng xét anh N không thuộc đối tượng để xem xét miễn giảm tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1.

1. Buộc anh Trần Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 số tiền nợ gốc 376.847.000 đồng và tiền lãi 84.451.412 đồng, tổng cộng là **461.298.412** đồng (bốn trăm sáu mươi một triệu hai trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm mười hai đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H, bà H1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; anh N phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 về việc khởi kiện đối với bị đơn Võ Thị Hồng Y.

3. Về án phí:

- Anh Trần Thanh N phải chịu 23.064.900 đồng (hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trịnh Văn H và bà Võ Thị Hồng H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H, bà H1 12.317.400 đồng (mười hai triệu ba trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001711 ngày 24/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Minh Quân